TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2017/HNGĐ - ST
Ngày 09 -11- 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Huy Hoàng
Ông Trần Đăng Khoa
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lương Khánh Sơn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1924/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê C, sinh năm 1986; địa chỉ: Quyết Tiến 1, xã An Thắng, huyện An Lão, Hải Phòng. Có mặt

- *Bị đơn*: Anh Trần N, sinh năm 1982; hiện cư trú: Số 49 ngõ 168 đường Liên Hoa, Thượng Nghĩa, thành phố Trúc Bắc, huyện Tân Trực, Đài Loan. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê C trình bày: Chị và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, lối sống tuy đã được 02 bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn chưa được giải quyết thì anh N sang Đài Loan lao động. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hải An, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Trần N Phương Linh, sinh ngày 02/01/2013 hiện nay 02 cháu

đang ở với chị C. Sau khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao 02 con chung cho chị C nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của bị đơn gửi về Tòa án, anh N trình bày: Anh thống nhất về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn do bất đồng quan điểm sống,lối sống, khả năng đoàn tụ không có.

Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao 02 con chung là Trần Hải An, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Trần N Phương Linh, sinh ngày 02/01/2013 cho chị C nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do anh N ở nước ngoài nên theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được, trong quá trình giải quyết vụ án anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Lê C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì chị cho rằng vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung là Trần Hải An, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Trần N Phương Linh, sinh ngày 02/01/2013 cho chị nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê C và anh Trần N cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Bị đơn hiện đang cư trú tại Đài Loan vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê C và anh Trần N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/12/2007, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống lối sống tuy đã được 2 bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay cả chị và anh N đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Lê C

[3]. Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là cháu Trần Hải An, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Trần N Phương Linh, sinh ngày 02/01/2013. Anh chị thỏa thuận giao cháu An và cháu Linh cho chị C nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả chị C và anh N. Cả chị C và anh N đều đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị C nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với điều kiện thực tế 02 cháu đang ở với chị C. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Hải An, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Trần N Phương Linh, sinh ngày 02/01/2013cho chị C nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi có yêu cầu khác. Về cấp dưỡng nuôi con chị C và anh N tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê C và anh Trần N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Lê C và anh Trần N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê C được ly hôn anh Trần N

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hải An, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Trần N Phương Linh, sinh ngày 02/01/2013 cho chị C nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi có yêu cầu khác

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ chăm sóc con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê C và anh Trần N tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không giải quyết

4. Về tài sản chung: Chị Lê C và anh Trần N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê C phải chịu 300.000đ(*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0010501 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị Lê C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

+ Anh Trần N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

+ Chị Lê C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã An Thắng, An Lão, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa **Đỗ Huy Hoàng** **Phạm Văn Phích**